TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 185/2019/QĐST-VHNGĐ	*Thành phố B, ngày 28 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2757/2018/TLST-VHNGĐ, ngày 26/12/2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

Ông **Nguyễn Thượng H**, sinh năm 1990.

Bà **Nguyễn Thị Thùy Ph**, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: 126A/1, khu phố 3, phường T, thành phố B, Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thượng H và bà Nguyễn Thị Thùy Ph tự nguyện kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 10/01/2012 nên căn cứ Điều 9, 11, 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Nguyễn Thượng H và bà Nguyễn Thị Thùy Ph xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống ông H và bà Ph có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 22/01/2013 và cháu Nguyễn Y Ph, sinh ngày 25/02/2015. Ly hôn, ông H và bà Ph thỏa thuận để ông H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph và cháu P đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời bà Ph không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Các bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Thượng H và bà Nguyễn Thị Thùy Ph mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông H và bà Ph đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 009947 ngày 12/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thượng H, sinh năm 1990 và bà Nguyễn Thị Thùy Ph, sinh năm 1990 thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông H và bà Ph có 02 con chung là cháu Nguyễn Xuân Ph, sinh ngày 22/01/2013 và cháu Nguyễn Y P, sinh ngày 25/02/2015. Ly hôn, ông H và bà Ph thỏa thuận để ông H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph và cháu Ph đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động, tạm thời bà Ph không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Ph được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản bà Ph thực hiện quyền này. Trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi vị trí nuôi con, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Các bên khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các bên trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Thượng H và bà Nguyễn Thị Thùy Ph mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ ông H và bà Ph đã nộp theo biên lai thu tạm

ứng án phí số 009947 ngày 12/12/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố B.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào